

Số: 21/2023/QĐST-DS

N, ngày 06 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 29 tháng 5 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 195/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S

+ Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Cùng địa chỉ: Số A đường N, phường x, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

+ Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đào Thị Đoan T – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S, chi nhánh Ninh Thuận

+ Người theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Ngọc V – Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ, Phòng kiểm soát rủi ro.

Cùng địa chỉ: Số C đường T, phường K, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận

- Bị đơn: + Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1979

+ Bà Ngô Thị L, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện N, Ninh Thuận

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ngày 02-11-2021 ông Nguyễn Văn M và bà Ngô Thị L có ký hợp đồng vay tín dụng số 202126412185 và giấy nhận nợ số LD2130700450 ngày 03-11-2021 với Ngân hàng thương mại cổ phần S vay số tiền 220.000.000đ mục đích là để bổ sung vốn sản xuất, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất là 10%/năm áp dụng trong 3 tháng

đầu tiên kể từ ngày giải ngân. Lãi suất các kỳ tiếp theo được tính bằng lãi suất huy động kỳ hạn 13 tháng (tính lãi cuối kỳ) cộng biên độ 3%/năm và được ngân hàng điều chỉnh 03 tháng/lần. Ông Nguyễn Văn M và bà Ngô Thị L xác nhận: Tính đến ngày 29-5-2023 ông, bà còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền 193.477.221đ (Trong đó tiền gốc 173.336.000đ, tiền lãi trong hạn 18.461.943đ, tiền lãi quá hạn 1.679.278đ).

Ông Nguyễn Văn M và bà Ngô Thị L đồng ý trả toàn bộ khoản nợ vay cho Ngân hàng thương mại cổ phần S theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 202126412185, ngày 02-11-2021 và giấy nhận nợ số LD2130700450 ngày 03-11-2021 với tổng số tiền 193.477.221đ (*Một trăm chín mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi bảy ngàn hai trăm hai mươi một đồng*) (Trong đó tiền gốc 173.336.000đ, tiền lãi trong hạn 18.461.943đ, tiền lãi quá hạn 1.679.278đ) tính đến ngày 29-5-2023.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 30-5-2023, ông Nguyễn Văn M, bà Ngô Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

- Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng số 739/TC21 ngày 02-11-2021 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S với ông Nguyễn Văn M, bà Ngô Thị L để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Ông Nguyễn Văn M và bà Ngô Thị L đang có gia cảnh khó khăn, nên được giảm 50% số tiền 4.836.930đ án phí dân sự sơ thẩm. Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Ngô Thị L phải chịu 2.418.465đ (Hai triệu bốn trăm mười tám ngàn bốn trăm sáu mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 4.464.000đ (*Bốn triệu bốn trăm sáu mươi bốn ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002727 ngày 14-10-2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N (để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu tập Quyết định, hồ sơ;

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Bình